

Số: 20662/QĐ-LĐTBXH

Quảng Nam, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực
bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-LĐTBXH ngày 12/11/2024 của Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành
lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND
tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Chủ tịch
UBND tỉnh Quảng Nam về ủy quyền công bố danh mục và phê duyệt quy trình
nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã
hội tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính
mới ban hành lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam.

(04 thủ tục hành chính cấp tỉnh: chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải nội dung Quyết định lên Trang Văn bản
quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qpl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ
quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về và triển khai thực hiện.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Cập nhật, đồng bộ Danh mục thủ tục hành chính lên Cổng thông tin điện tử của Sở và Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính; hoàn chỉnh đầy đủ, chính xác nội dung cấu thành thủ tục hành chính, cập nhật lên Cổng thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính; phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Quảng Nam thuộc Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Ban Chỉ đạo CCHC&CDS tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm QTI Quảng Nam;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Trương Thị Lộc

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số #sovb/QĐ-LĐT BXH ngày #nbh /11/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam)

| TT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cơ quan thực hiện | Cách thức thực hiện | | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|----|------------|---|--|---|---|----------|--------------|----------------------|--|
| | | | | | Nộp trực tiếp | Bru điện | Dịch vụ công | | |
| 1 | 1.012990 | Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội | 10 ngày làm việc | Các đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội (cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và cơ sở khác theo quy định của pháp luật) có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung thực hành. | Nộp hồ sơ trực tiếp tại đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội | X | | Không | Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. |
| 2 | 1.012991 | Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | X | X | X | Không | Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. |

| TT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Cơ quan thực hiện | Cách thức thực hiện | | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|----|------------|--|--|--------------------------------------|---------------------|----------|--------------|----------------------|--|
| | | | | | Nộp trực tiếp | Bru điện | Dịch vụ công | | |
| 3 | 1.012992 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | X | X | X | Không | Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. |
| 4 | 1.012993 | Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | X | X | X | Không | Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. |